

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-ST
Ngày 04-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Bà Trịnh Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Hồng N, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1966 - Theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2022 của bà Trần Hồng N (xin vắng mặt)

Cùng cư trú: Đường A, khóm 4, thị trấn D, huyện D, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2022, nguyên đơn là bà Trần Hồng N trình bày: Bà N có cho ông Nguyễn Văn L vay 04 lần với tổng số tiền vốn là 86.500.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,6%/tháng, thể hiện tại các biên nhận sau (Tất cả biên nhận thể hiện ngày dương lịch):

- Biên nhận ngày 29/01/2021, với số tiền 20.000.000 đồng;

- Biên nhận ngày 05/4/2021, với số tiền 12.500.000 đồng;

- Biên nhận ngày 07/10/2021, với số tiền 30.000.000 đồng;

- Biên nhận ngày 25/5/2022, với số tiền 24.000.000 đồng.

Lãi tính từ ngày 29/01/2021 đến ngày 02/11/2022 là: $86.500.000 \text{ đồng} \times 1,6\%/\text{tháng} \times 22 \text{ tháng} = 30.448.000 \text{ đồng}$. Tổng vốn và lãi là 116.948.000 đồng, ông L đã trả được 5.000.000 đồng. Nay bà N yêu cầu ông L trả tổng số tiền 111.948.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn L đúng theo quy định pháp luật, nhưng ông L không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 01/4/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Bà Trần Hồng N có cho ông Nguyễn Văn L vay 04 lần thể hiện tại các biên nhận sau: Ngày 29/01/2021 vay số tiền 20.000.000 đồng, ngày 05/4/2021 vay số tiền 12.500.000 đồng, ngày 07/10/2021 vay số tiền 30.000.000 đồng và ngày 25/5/2022 vay số tiền 24.000.000 đồng. Tại 04 biên nhận này thể hiện tổng số tiền vốn vay là 86.500.000 đồng và đều thể hiện ông Nguyễn Văn L là người trực tiếp ký nhận. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông L không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như phản bác các biên nhận do nguyên đơn cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào 04 biên nhận này để làm căn cứ buộc ông Nguyễn Văn L trả cho bà N số tiền vốn vay là 86.500.000 đồng.

[3] Về khoản lãi: Mức lãi suất các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định pháp luật nhưng bà N yêu cầu thanh toán khoản lãi tính từ ngày 29/01/2021 đến ngày 02/11/2022 là 22 tháng trên số tiền vốn 86.500.000 đồng là chưa phù hợp. Vì tổng số tiền vốn 86.500.000 đồng được cho vay 04 đợt vào các ngày khác nhau nên cần điều chỉnh lại khoản lãi theo từng đợt tương ứng với số vốn. Cụ thể khoản lãi được điều chỉnh như sau:

- Ngày 29/01/2021 vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 02/11/2022 là: $20.000.000 \text{ đồng} \times 1,6\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} 03 \text{ ngày} = 6.752.000 \text{ đồng}$.

- Ngày 05/4/2021 vay số tiền 12.500.000 đồng, lãi tính đến ngày 02/11/2022 là: $12.500.000 \text{ đồng} \times 1,6\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} 27 \text{ ngày} = 3.780.000 \text{ đồng}$.

- Ngày 07/10/2021 vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 02/11/2022 là: 30.000.000 đồng x 1,6%/tháng x 12 tháng 25 ngày = 6.160.000 đồng.

- Ngày 25/5/2022 vay số tiền 24.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 02/11/2022 là: 24.000.000 đồng x 1,6%/tháng x 05 tháng 07 ngày = 2.009.600 đồng.

Tổng khoản lãi sau khi điều chỉnh là 18.701.600 đồng.

[4] Như đã phân tích trên, tổng số tiền vốn và lãi sau khi điều chỉnh lãi là 105.201.600 đồng, trừ số tiền đã trả 5.000.000 đồng, buộc ông Nguyễn Văn L phải thanh toán vốn và lãi cho bà N với tổng số tiền 100.201.600 đồng. Số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận là 11.746.400 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền không được Tòa án chấp nhận là: 11.746.400 đồng x 5% = 587.320 đồng. Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Cụ thể: 100.201.600 đồng x 5% = 5.010.080 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hồng N.

- Buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Trần Hồng N tổng số tiền vốn và lãi là 100.201.600 đồng (Một trăm triệu hai trăm lẻ một nghìn sáu trăm đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Hồng N về số tiền lãi là 11.746.400 đồng (Mười một triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 587.320 đồng (Năm trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi đồng). Ngày 17 tháng 11 năm 2022, bà Trần Hồng N đã nộp số tiền tạm ứng án phí dân sự 2.799.000 đồng (Hai triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng) tại biên lai số 0010826 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, do đó, bà Trần Hồng N được nhận lại số tiền 2.211.680 đồng (Hai triệu hai trăm mười một nghìn sáu trăm tám chục đồng).

- Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.010.080 đồng (Năm triệu không trăm mười nghìn không trăm tám mươi đồng), chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út